

## Biến đổi hôn nhân gia đình của người Khơ mú ở Nghệ An hiện nay

Nguyễn Văn Toàn

Học viện Chính trị, Bộ Quốc phòng

**Tóm tắt:** Bài viết phân tích một số biến đổi trong hôn nhân gia đình của người Khơ mú ở Nghệ An, một trong số ít các tộc người thuộc nhóm ngôn ngữ Môn - Khơ me cư trú ở miền núi phía Bắc. Cho đến nay, người Khơ mú ở Nghệ An còn lưu giữ khá nhiều phong tục tập quán truyền thống liên quan đến hôn nhân gia đình. Những biến đổi trong hôn nhân, gia đình của người Khơ mú diễn ra mạnh mẽ kể từ khi đất nước bước vào công cuộc đổi mới, cùng với sự phát triển giao lưu tộc người đã làm nảy sinh quan hệ hôn nhân hỗn hợp dân tộc, nam nữ đã được tự do tiến tới hôn nhân. Nghi lễ cưới xin đã thay đổi theo hướng tiến bộ, loại hình tiểu gia đình cùng với đó là gia đình nhỏ hai thế hệ, sinh ít con ngày càng chiếm ưu thế.

**Từ khoá:** Hôn nhân - Gia đình; Dân tộc thiểu số; Kết hôn; Cưới xin; Biến đổi hôn nhân gia đình.

### 1. Mở đầu

Người Khơ mú là một trong những dân tộc thuộc nhóm ngôn ngữ Môn - Khơ me cư trú lâu đời ở miền núi phía Bắc Việt Nam và Thượng Lào. Cộng đồng Khơ mú ở Nghệ An di cư đến từ vùng Luông Pha Băng (Lào)

cách đây khoảng 200 năm (Vương Hoàng Tuyên, 1963: 63; Hoàng Xuân Lương, 2004:2). Theo Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009, dân số Khơ mú ở Nghệ An có 35.670 người (chiếm 49% dân số Khơ mú cả nước) phân bố tập trung tại 3 huyện vùng cao là Kỳ Sơn, Tương Dương, Quế Phong; đông nhất là ở huyện Kỳ Sơn với 23.915 người. Đồng bào thường cư trú ở rẻo giữa, nơi có độ cao trung bình từ 600-800m so với mặt nước biển, bề mặt địa hình có độ dốc lớn, giao thông đi lại gặp nhiều khó khăn.

Trước Cách mạng tháng Tám năm 1945, các bản làng Khơ mú bị phụ thuộc vào người Thái ở địa phương. Đất rừng, bản làng đều chịu sự cai quản của các chúa đất Thái (Viện Dân tộc học, 1999:33). Sau năm 1954 và nhất là từ khi thực hiện cuộc vận động định canh định cư từ cuối những năm 1960 trở đi, dưới chế độ mới, người Khơ mú đã bình đẳng với các dân tộc khác. Đồng bào từng bước hội nhập với các dân tộc trong công cuộc phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương và cả nước.

Từ một dân tộc sống dựa vào nông nghiệp nương rẫy du canh cổ truyền, kể từ khi thực hiện định canh định cư, đời sống kinh tế, xã hội của người Khơ mú ở địa phương đã có nhiều thay đổi. Một hệ thống kinh tế mới (ruộng nước, làm vườn, chăn nuôi, trao đổi thương mại, kinh tế rừng) được đưa vào đời sống tộc người. Song hiện nguồn sống chính của đồng bào vẫn dựa vào sản xuất nương rẫy. Cho nên, đời sống kinh tế, xã hội của người Khơ mú ở Nghệ An còn nhiều khó khăn và chậm phát triển hơn các dân tộc khác. Tỷ lệ hộ đói nghèo ở vùng Khơ mú rất cao, chiếm đến 74,88% vào năm 2004 (Hoàng Xuân Lương, 2004:5). Năm 2011, theo số liệu thống kê của chính quyền các xã Nậm Cắn và Tà Cạ, huyện Kỳ Sơn, tỷ lệ hộ nghèo ở người Khơ mú lên tới 98%. Hiện nay, đồng bào Khơ mú ở Nghệ An cơ bản đã ổn định cuộc sống định canh định cư.

Dựa vào kết quả nghiên cứu về “Định canh định cư ở người Khơ mú và người Hmông, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An” được tiến hành trong những năm 2011-2012, bài viết phân tích sự biến đổi về hôn nhân gia đình của người Khơ mú ở Nghệ An. Để so sánh được sự biến đổi về hôn nhân gia đình của Người Khơ mú trước và sau 1986, nghiên cứu sử dụng bảng hỏi dành cho hộ gia đình để thu thập thông tin. Đối tượng phỏng vấn là các chủ hộ và thành viên tại 62 hộ gia đình người Khơ mú tại 2 bản Na Nhu và Bình Sơn 1 thuộc xã Tà Cạ, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An. Ngoài ra, nghiên cứu này còn thực hiện các thảo luận nhóm với đối tượng đa dạng từ già làng, trưởng bản, chủ hộ khá giả và người nghèo đến nhóm thanh niên, phụ nữ và cán bộ nghỉ hưu để thu thập các vấn đề lịch sử và đời sống cá nhân, gia đình liên quan đến cuộc sống du canh trước đây và định canh

định cư hiện nay, tình hình kinh tế - xã hội, đánh giá của người dân về đổi thay của hôn nhân, gia đình, dòng họ, thôn bản kể từ khi thực hiện định canh định cư cho đến nay.

## 2. Những biến đổi trong hôn nhân của người Khơ mú ở Nghệ An

### *Quy tắc hôn nhân*

Trong xã hội truyền thống, người Khơ mú ở Nghệ An có những quy tắc hôn nhân mang tính luật tục. Quy tắc quan trọng nhất là hôn nhân ngoại tộc, cấm người trong dòng họ kết hôn với nhau. Quan hệ hôn nhân giữa các dòng họ của người Khơ mú ở Nghệ An là quan hệ giữa ba nhóm lấy Ego (nam) để tính như sau: 1) Nhóm của Ego bao gồm những anh chị em ruột và những người anh chị em bàng hệ tính theo dòng cha tức là những người cùng một dòng họ, cùng một tổ tem. Giữa họ, quan hệ hôn nhân bị cấm đoán nghiêm ngặt. Họ chỉ được phép kết hôn với những thành viên của nhóm khác; 2) Nhóm Ego có thể kết hôn được. Nhóm đó bao gồm những người con gái của anh em trai bên họ mẹ và những người anh em trai của những người con gái đó; 3) Nhóm những người mà chị em gái của Ego có thể về làm vợ nhưng Ego không được đến lấy vợ (Huyện uỷ - Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân huyện Kỳ Sơn, 1995:198).

Quy tắc hôn nhân đầy chuyên và thuận chiều phổ biến ở các bản làng Khơ mú tại Nghệ An. Chẳng hạn, nếu con trai họ Moong đã lấy con gái họ Cụt thì con trai họ Cụt không được lấy con gái họ Moong mà phải lấy con gái họ Ven, v.v. Đó là dấu vết của tổ chức liên minh ba thị tộc thời nguyên thủy trong quan hệ dòng họ (Đặng Nghiêm Vạn, 2001:874-875). Tuy nhiên, hiện nay đã có những trường hợp con trai bên cậu lấy con gái của cô (ngược chiều) sau khi đã nộp tiền phạt cho nhà gái (trường hợp bản Na Nhu, xã Tà Cạ).

Một luật tục trong hôn nhân của người Khơ mú ở Nghệ An là hình thức kết hôn “con cô con cậu” theo chiều con trai của cô lấy con gái của các cậu bên họ mẹ. Khi người con trai lấy vợ mà không lấy con gái bên cậu sẽ bị các cậu phạt rất nặng bằng tiền hoặc hiện vật. Bên cạnh đó, hình thức hôn nhân anh em chồng và hôn nhân chị em vợ ở người Khơ mú vẫn còn khá rõ. Khi người chồng chết, anh em bên chồng có thể lấy người vợ góa nếu người này đồng ý; khi vợ chết, chồng có thể lấy em gái vợ. Người đàn ông Khơ mú muốn lấy vợ phải nộp bạc nén và tiền *rum bu* – tiền trả ơn bố mẹ vợ đã nuôi dưỡng con gái, tiền lễ cưới và tiền nhận họ ngoại. Cưới xong, chàng trai phải ở rể từ 3-5 năm để lao động trả công cho nhà vợ. Hết thời hạn ở rể, họ được nhà vợ cho phép đem vợ con về nhà mình kèm theo

một số hồi môn. Nhưng hiện nay, nam nữ tại các bản làng Khơ mú đã được tự do tiến tới hôn nhân. Người con trai Khơ mú đã được quyền lựa chọn người vợ là con gái các dòng họ khác, không nhất thiết phải là con gái bên cậu. Giờ đây, nếu không lấy con gái bên cậu, người cậu chỉ còn hình thức bắt phạt mang tính tập tục. Tại các hộ điều tra, có 47% số con trai lập gia đình đã kết hôn tự do với con gái của các dòng họ khác dựa trên tình yêu nam nữ. Độ tuổi kết hôn bình quân của nam nữ thanh niên Khơ mú tại địa phương đã theo qui định của pháp luật nhưng số tảo hôn trong độ tuổi 15-17 còn khá nhiều.

### *Tổ chức đám cưới*

Hiện nay, đám cưới của người Khơ mú vẫn duy trì được nét độc đáo riêng của dân tộc mình, bao gồm các lễ thức truyền thống như: Lễ ăn hỏi (*bạc bút*), lễ cưới nhỏ (*xơ ria nhe*), lễ cưới lớn (*xơ ria nằm*), lễ xuất, nhập họ cho cô dâu. Trước đây, ngoài váy, áo, khăn, túi xách, nhà gái còn thách cưới bằng bạc nén. Nay lễ thách cưới thường gồm: hai con lợn, bốn con gà, hai vò rượu, hai chai rượu trắng, hai vòng tay bằng bạc, trâu cau, 500 nghìn đồng tiền mặt. Dân bản cho biết, cô dâu chú rể Khơ mú giờ đây không còn mặc trang phục dân tộc. Họ mặc trang phục cưới có tính “phổ thông” như người Kinh. Nhà khá giả, cô dâu và chú rể còn mặc com lê, thuê váy cưới. Chính quyền các xã và thôn bản đề ra qui định, đưa vào hương ước về số lượng lễ vật thách cưới, qui định về thời gian tổ chức đám cưới nhằm thực hành tiết kiệm. Chế độ ở rể nay còn rất ít. Trong 62 hộ điều tra, có 7 trường hợp còn ở rể. Chỉ những gia đình nào không đủ tiền để cưới vợ cho con, chàng rể phải ở rể cho đến khi làm lễ cưới lớn xong mới được đón vợ con về nhà.

### *Phạm vi kết hôn*

Những năm gần đây, cuộc sống định canh định cư và sự giao lưu tộc người đã làm nảy sinh quan hệ hôn nhân hỗn hợp dân tộc theo chiều con trai người Thái, người Kinh lấy con gái người Khơ mú ở địa phương. Trong số hộ khảo sát ở hai bản, có hai cặp hôn nhân hỗn hợp dân tộc. Điều này phản ánh sự hòa hợp tộc người đang diễn ra trong thời kỳ đổi mới đất nước.

Tuy nhiên, hôn nhân khép kín trong nội bộ làng bản còn phổ biến ở các làng Khơ mú hiện nay. Tại các hộ khảo sát, có 68,6% (48/70) số con đã lập gia đình kết hôn với người đồng tộc cùng bản. Kết quả điều tra cho thấy, mạng lưới hôn nhân ở ngoài bản của người Khơ mú cũng chỉ diễn ra trong phạm vi các bản Khơ mú lân cận. Tại những bản ở vùng sâu như bản

**Bảng 1. Phạm vi kết hôn của người Khơ mú ở Kỳ Sơn, Nghệ An**

| Bản        | Số hộ<br>điều tra | Số con<br>đã kết<br>hôn | Tỷ lệ số<br>con kết<br>hôn cùng<br>bản | Tỷ lệ số<br>con kết<br>hôn khác<br>bản | Tỷ lệ số<br>con kết<br>hôn xuyên<br>biên giới |
|------------|-------------------|-------------------------|----------------------------------------|----------------------------------------|-----------------------------------------------|
| Na Nhu     | 30                | 40                      | 75,0                                   | 22,5                                   | 2,5                                           |
| Bình Sơn 1 | 32                | 30                      | 60,0                                   | 40,0                                   | 0,0                                           |
| Tổng số    | 62                | 70                      | 68,6                                   | 30,0                                   | 1,4                                           |

*Nguồn:* Số liệu điều tra hộ tại địa phương, 2012.

\* Tỷ lệ phần trăm so với tổng số người con đã kết hôn.

Na Nhu, tỷ lệ kết hôn nội bộ bản càng lớn. Những bản định cư ở vùng thấp như Bình Sơn 1, là nơi có điều kiện giao thông thuận lợi hơn nên tỷ lệ kết hôn với người khác bản nhiều hơn. Thậm chí có trường hợp kết hôn xuyên biên giới (xem Bảng 1).

Đáng lưu ý, hiện tượng kết hôn cùng dòng họ Moong đã xuất hiện ở bản Bình Sơn 1. Trong những trường hợp này, nhà trai phải đến nhà gái xin phép và nộp phạt với số tiền tượng trưng từ 100-200 nghìn đồng rồi mới được tổ chức đám cưới.

### 3. Một số biến đổi gia đình của người Khơ mú

Trước đây, trong xã hội truyền thống, lối sống du canh làm cho bản làng của người Khơ mú đi theo nương rẫy. Các bản làng du canh thường có 5-7 nóc nhà, nhiều nhất khoảng 10-15 nóc nhà thuộc một hai dòng họ. Các gia đình trong làng bản thường có mối quan hệ huyết thống xa gần.

Trước những năm 1980, tại các làng bản, loại hình gia đình của người Khơ mú phổ biến là các đại gia đình 3-4 thế hệ (gia đình mở rộng, gia đình không phân chia) gồm bố mẹ và một số cặp vợ chồng các con trai theo chế độ phụ hệ cùng cư trú trong một mái nhà, cùng lao động chung, sử dụng tài sản chung. Người Khơ mú trước đây quan niệm rằng, khi bố mẹ còn sống, con cái đã lập gia đình không được tách hộ ra ở riêng để ma nhà (*hrôi gang*), ma tổ tiên (*hrôi tạ dạ*) giúp đỡ và bảo vệ cho con cháu. Nếu không, con cháu sẽ bị quở trách và gặp rủi ro trong cuộc sống. Gia đình lớn, đông con cháu được coi là điều tự hào của người Khơ mú bấy giờ. Trước khi định canh định cư ở bản, có 68,3% số hộ điều tra là các đại gia đình có từ 3-5 cặp vợ chồng bố mẹ và vợ chồng các con cùng sinh sống. Đến nay, đại gia đình chỉ còn 6,5% (xem Bảng 2).

**Bảng 2. Sự thay đổi loại hình gia đình trước và sau định canh định cư của người Khơ mú ở huyện Kỳ Sơn, Nghệ An**

| <b>Bản</b> | <b>Trước khi định canh định cư<br/>(trước 1985)</b> |                                |                               | <b>Hiện nay</b>           |                                |                               |
|------------|-----------------------------------------------------|--------------------------------|-------------------------------|---------------------------|--------------------------------|-------------------------------|
|            | <b>Số hộ<br/>điều tra</b>                           | <b>Tỷ lệ tiểu<br/>gia đình</b> | <b>Tỷ lệ đại<br/>gia đình</b> | <b>Số hộ<br/>điều tra</b> | <b>Tỷ lệ tiểu<br/>gia đình</b> | <b>Tỷ lệ đại<br/>gia đình</b> |
| Na Nhu     | 28                                                  | 32,1                           | 67,9                          | 30                        | 96,7                           | 3,3                           |
| Bình Sơn 1 | 32                                                  | 31,2                           | 68,8                          | 32                        | 90,6                           | 9,4                           |
| Tổng số    | 60                                                  | 31,7                           | 68,3                          | 62                        | 93,5                           | 6,5                           |

*Nguồn:* Số liệu điều tra hộ tại địa phương, 2012.

\* Tỷ lệ phần trăm so với số hộ điều tra.

Tại các làng định cư hiện có hai loại hình gia đình: tiểu gia đình là chủ yếu và một số còn lại là đại gia đình. Tiểu gia đình gồm một cặp vợ chồng và các con cái còn nhỏ, có thể có thêm bố mẹ chồng hoặc anh em chồng chưa xây dựng gia đình. Đại gia đình gồm có bố mẹ, vài cặp vợ chồng của các con trai, các con chưa lập gia đình và các cháu. Do tục ở rể hoặc nhà chú rể chưa có điều kiện làm lễ cưới lớn nên một số đại gia đình có cả vợ chồng của em gái cùng chung sống với bố mẹ và các cặp vợ chồng anh em trai trong một nhà. Điều dễ nhận thấy là, quan hệ gia đình của người Khơ mú rất hòa thuận. Họ chung thủy với chế độ một vợ, một chồng.

Có thể nói, cuộc sống định canh định cư và hoạt động kinh tế tổ chức theo hộ gia đình kể từ khi đổi mới đất nước đã làm thay đổi loại hình đại gia đình ở người Khơ mú. Khi rời bản cũ xuống các điểm định canh định cư, được sự tuyên truyền vận động của chính quyền, các cặp vợ chồng anh em trai đã tách hộ ra ở riêng, nhận phần đất rừng giao cho hộ. Trước khi định cư ở bản, tỷ lệ loại hình tiểu gia đình là 31,7% thì nay, tiểu gia đình lên tới 93,5% (58/62); trong đó, gia đình hai thế hệ chiếm 42%, gia đình ba thế hệ là 51,6% (xem Bảng 3).

Quy mô số hộ gia đình ở các làng định cư của người Khơ mú đã lớn hơn trước rất nhiều. Hiện 8 bản người Khơ mú ở xã Tà Cạ và xã Nậm Cắn có quy mô từ 40-90 hộ, bình quân 58 hộ và 325 khẩu/bản.

Mặt khác, số lượng thành viên trong hộ gia đình của người Khơ mú đã giảm đi nhiều so với trước khi định canh định cư do chính quyền địa phương làm tốt công tác vận động công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình. Vì thế, bình quân số nhân khẩu của các gia đình trong diện điều tra chỉ

**Bảng 3. Loại hình gia đình của người Khơ mú ở Nghệ An hiện nay**

| <b>Bản</b>     | <b>Số hộ điều tra</b> | <b>Tỷ lệ tiểu gia đình hai thế hệ</b> | <b>Tỷ lệ tiểu gia đình ba thế hệ</b> | <b>Tỷ lệ đại gia đình</b> |
|----------------|-----------------------|---------------------------------------|--------------------------------------|---------------------------|
| Na Nhu         | 30                    | 36,7                                  | 60,0                                 | 3,3                       |
| Bình Sơn 1     | 32                    | 46,9                                  | 43,7                                 | 9,4                       |
| <b>Tổng số</b> | <b>62</b>             | <b>42,0</b>                           | <b>51,6</b>                          | <b>6,4</b>                |

*Nguồn:* Số liệu điều tra hộ tại địa phương, 2012.  
Tỷ lệ phần trăm so với số hộ điều tra.

còn 6,8 người/hộ so với trước khi định canh định cư là 12,8 người/hộ (xem Bảng 4).

Kết quả điều tra cũng cho thấy, gia đình nhỏ hai thế hệ, sinh ít con ngày càng chiếm ưu thế. Số hộ gia đình có từ 2-4 con đang chiếm 59,5% (37/62 hộ). Dân bản cho biết, trước khi định canh định cư, người Khơ mú thường sinh đẻ nhiều, mỗi gia đình có 5-8 con, chưa kể số con sinh ra bị chết do bệnh tật. Hiện nay, số gia đình có 5-8 con chiếm 40,5% (xem Bảng 5). Như vậy, mức sinh của phụ nữ Khơ mú tuy có giảm đi khá nhiều nhưng đang ở mức rất cao. Nhìn chung trong cộng đồng Khơ mú, mức sinh có kiểm soát còn nhiều hạn chế. Điều này làm gia tăng thêm tình trạng đói nghèo của người Khơ mú ở địa phương.

Bước vào thời kỳ đổi mới kể từ năm 1986 trở đi, nhiều tập quán sinh hoạt gia đình của người Khơ mú đã thay đổi nhanh chóng. Hộ gia đình trở thành một đơn vị kinh tế độc lập, tự chủ, được giao đất rừng để sản xuất. Từ chỗ sản xuất mang tính tự cấp tự túc theo gia đình trong phạm vi làng

**Bảng 4. Sự thay đổi qui mô hộ gia đình trước và sau định canh định cư ở hai bản người Khơ mú, xã Tà Cạ, huyện Kỳ Sơn**

| <b>Bản</b>     | <b>Trước khi định canh định cư (trước 1985)</b> |                  |                           | <b>Hiện nay</b>       |                  |                           |
|----------------|-------------------------------------------------|------------------|---------------------------|-----------------------|------------------|---------------------------|
|                | <b>Số hộ điều tra</b>                           | <b>Nhân khẩu</b> | <b>Bình quân người/hộ</b> | <b>Số hộ điều tra</b> | <b>Nhân khẩu</b> | <b>Bình quân người/hộ</b> |
| Na Nhu         | 28                                              | 241              | 8,6                       | 30                    | 197              | 6,5                       |
| Bình Sơn 1     | 32                                              | 525              | 16,4                      | 32                    | 223              | 6,9                       |
| <b>Tổng số</b> | <b>60</b>                                       | <b>766</b>       | <b>12,8</b>               | <b>62</b>             | <b>420</b>       | <b>6,7</b>                |

*Nguồn:* Số liệu điều tra hộ tại địa phương, 2012.

**Bảng 5. Số con trong gia đình người Khơ mú ở Kỳ Sơn, Nghệ An (2012)**

| <b>Bản</b> | <b>Số hộ<br/>điều tra</b> | <b>Số hộ<br/>có 1-2 con (%)</b> | <b>Số hộ<br/>có 3-4 con (%)</b> | <b>Số hộ<br/>có 5-8 con (%)</b> |
|------------|---------------------------|---------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|
| Na Nhu     | 30                        | 16,7                            | 43,3                            | 40,0                            |
| Bình Sơn 1 | 32                        | 12,5                            | 46,9                            | 40,6                            |
| Tổng số    | 62                        | 14,5                            | 45,0                            | 40,5                            |

*Nguồn:* Số liệu điều tra hộ tại địa phương, 2012.

bản, nền kinh tế thị trường đã từng bước thâm nhập vào đời sống của người Khơ mú. Nhiều hộ đã biết hạch toán trong sản xuất, tạo ra các sản phẩm hàng hóa. Tuy nhiên, do nơi cư trú cách xa nương rẫy và nương rẫy vẫn là nguồn sống chính nên nhiều gia đình vẫn giữ tập quán ở lại trên rẫy. Tình trạng này là một thách thức để cải thiện cuộc sống và phát triển kinh tế - xã hội của các hộ gia đình Khơ hiện nay.

#### **4. Nguyên nhân biến đổi hôn nhân, gia đình của người Khơ mú và một số vấn đề đặt ra hiện nay**

Hôn nhân gia đình của người Khơ mú đã có nhiều biến đổi kể từ khi đồng bào thực hiện định canh định cư, nhất là từ những năm đổi mới đến nay. Từ một dân tộc sống chủ yếu dựa vào nông nghiệp nương rẫy du canh, chính sách định canh định cư của Đảng, Nhà nước đã dẫn thay đổi đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội của họ. Các làng Khơ mú được vận động “hạ sơn” xuống vùng thấp hơn, hợp thành bản lớn để định canh định cư. Thời kỳ đầu thực hiện định canh định cư gắn liền với tập thể hóa nông nghiệp những năm 1968-1985, do cơ chế hợp tác xã nên qui mô và tính chất gia đình của người Khơ mú ít thay đổi. Sự tập trung số đông lao động trong đại gia đình vẫn tỏ ra thích hợp với hoạt động sản xuất của hợp tác xã. Cơ sở hạ tầng sản xuất và sinh hoạt của người dân ít thay đổi, địa bàn cư trú còn biệt lập, làm cho sự biến đổi văn hóa, xã hội ở vùng Khơ mú diễn ra chậm chạp, các tập tục trong hôn nhân, gia đình vẫn ăn sâu bám rễ trong đời sống cộng đồng.

Biến đổi trong hôn nhân, gia đình của người Khơ mú thực sự diễn ra mạnh mẽ kể từ khi đất nước bước vào công cuộc đổi mới. Sự hội nhập, mở cửa sâu rộng của đất nước, sự tác động của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, của khoa học - công nghệ, nhất là sự đổi mới chính sách dân tộc, chính sách định canh định cư của Nhà nước từ đầu thập kỷ 90 của thế kỷ XX trở đi đã tạo ra thay đổi có tính cách mạng ở

miền núi Việt Nam nói chung và vùng Khơ mú nói riêng. Nhà nước và chính quyền địa phương đẩy mạnh các chính sách phát triển kinh tế, văn hóa, giáo dục, y tế, an sinh xã hội đến các bản làng Khơ mú. Đồng bào Khơ mú đã hội nhập vào sự phát triển chung của các tộc người và quốc gia. Trong quan hệ sản xuất mới, hộ gia đình là đơn vị sản xuất, là đầu mối được quan tâm hỗ trợ, được giao đất giao rừng. Cho nên cùng với sự tuyên truyền vận động của chính quyền và các đoàn thể địa phương, ý thức về tạo lập gia đình cá thể - tiểu gia đình với nhiều lợi thế phát triển kinh tế - xã hội đã làm tan rã đại gia đình của người Khơ mú.

Hơn nữa, sự giao lưu tộc người ngày càng rộng mở trên các lĩnh vực trong điều kiện kinh tế - xã hội ở miền núi phát triển nhanh chóng, chính quyền và các ban ngành đẩy mạnh xây dựng các thiết chế văn hóa mới làm cho trình độ dân trí của người Khơ mú được nâng lên. Nhận thức của đồng bào, nhất là lớp trẻ đối với phong tục tập quán truyền thống của họ đã đổi thay. Mặt khác, trong thời kỳ đổi mới, mạng lưới thông tin và truyền thông phủ khắp các bản làng Khơ mú đã góp phần quan trọng thay đổi nhận thức xã hội của đồng bào. Những tập tục khắt khe, không phù hợp với đời sống xã hội đương đại trong hôn nhân, gia đình đã dần thay đổi như: hôn nhân con cô con cậu, hôn nhân không có tình yêu nam nữ, tục thách cưới nặng nề, tục ở rể, tảo hôn, sinh đẻ nhiều con.

Tuy nhiên, từ những biến đổi trong hôn nhân gia đình của người Khơ mú đã đặt ra một số vấn đề cần quan tâm. Tập quán hôn nhân con cô con cậu, một số trường hợp hôn nhân nội bộ dòng họ có thể coi là hôn nhân cận huyết trong cộng đồng Khơ mú ở địa phương rất cần được chính quyền và các ban ngành đoàn thể quan tâm tuyên truyền, vận động. Hơn nữa, các địa phương cần đẩy mạnh công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình bởi mức sinh trong cộng đồng Khơ mú còn rất cao so với các dân tộc khác. Bên cạnh đó, các cấp, các ngành cần tập trung cải thiện điều kiện vật chất và tinh thần cho các hộ gia đình Khơ mú trong quá trình chuyển đổi lối sống sang định canh định cư. Bởi người dân Khơ mú còn thích ứng khó khăn với môi trường sống mới, nguồn sống chính của hộ gia đình vẫn dựa vào canh tác nương rẫy nên tỷ lệ đói nghèo cao. Mặt khác, chính quyền địa phương và các ban ngành đoàn thể cần tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền, vận động nhân dân Khơ mú thay đổi những tập tục lạc hậu trong hôn nhân gia đình gắn liền với xây dựng các thiết chế văn hóa mới, xây dựng nông thôn mới ở miền núi hiện nay. ■

**Tài liệu trích dẫn**

- Huyện uỷ - Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân huyện Kỳ Sơn. 1995. *Đặc trưng văn hoá và truyền thống cách mạng các dân tộc ở Kỳ Sơn, Nghệ An*. Nxb. Chính trị quốc gia. Hà Nội.
- Hoàng Xuân Lương. 2004. Nghiên cứu các giải pháp và xây dựng mô hình vượt đói nghèo cho đồng bào K'mu Nghệ An. Báo cáo khoa học. Vinh.
- Vương Hoàng Tuyên. 1963. *Các dân tộc nguồn gốc Nam - Á ở miền Bắc Việt Nam*. Nxb. Giáo dục. Hà Nội.
- Đặng Nghiêm Vạn. 2001. *Dân tộc, văn hóa, tôn giáo*. Nxb. Khoa học Xã hội. Hà Nội.
- Viện Dân tộc học. 1999. *Dân tộc Khơ mú ở Việt Nam*. Nxb. Văn hoá Dân tộc. Hà Nội.